

**HÌNH ẢNH TÀI SẢN, GIẤY TỜ XE Ô TÔ
TOYOTA COROLLA ALTIS 2.0V, BIỂN KIỂM SOÁT 38A-5508**















Ảnh pháp lý tài sản

1. THÔNG TIN (VEHICLE)		Số tương tự có lắp đặt (Number of first Time slot)	
Biển đăng ký: 30N-5598		Số quản lý: 30010-012127	
Loại phương tiện (Type): 016 con		1: 2: 205/55R16	
Loại xe (Model code): TOYOTA		2: 2: 205/55R16	
Số máy (Engine Number): 3ZRA547170			
Số khung (Chassis Number): RL4HL42E8A2001615			
Năm: Nước sản xuất: 2010, Việt Nam			
(Manufactured Year and Country)			
Kính doanh vận tải (Commercial Use): ☐		Cải tạo (Modification): ☐	
2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)			
Công thức bánh xe: 4x2		Vết bánh xe: 1520/1520 (mm)	
(Wheel Formula)		(Wheel Track)	
Kích thước bao: (Overall Dimension): 4540 x 1760 x 1465 (mm)			
Kích thước lồng thùng xe (Truck cargo container dimension):			
Chiều dài cơ sở: (Wheelbase): 2900 (mm)			
Khối lượng bản thân: (Kerb mass): 1270 (kg)			
Khối lượng hàng CC theo TKCP TGGT: (Design/Authorized pay load):			
Khối lượng toàn bộ theo TKCP TGGT: (Design/Authorized total mass): 1675/1675 (kg)			
Khối lượng kéo theo TKCP TGGT: (Design/Authorized towed mass):			
Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ nằm			
(Permissible No. of Pers Carried - seat, stand place, laying place)			
Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used): Xăng			
Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement): 1867 (cm ³)			
Công suất tối đa (kW/1600 rpm): (Max output power): 104 (kW)/6500 (ph)			
Mã VIN: DA-607611			

Số phiếu kiểm định (Inspection Report No.): 08010-19729/23

Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until): 07/06/2024

Địa điểm: Hà Tĩnh

Người kiểm định: Phạm Tuấn Anh

Ngày: 9 tháng 8 năm 2023

CƠ QUAN KIỂM ĐỊNH (Inspection Center): ĐĂNG KÝ LƯU TRỮ



Ảnh 1. Giấy chứng nhận kiểm định

Nhãn hiệu (Brand):	TOYOTA	Số đăng ký (First code):	COROLLA
Loại xe (Type):	Ôtô con	Số đăng ký (Second code):	Bạc
Số máy (Engine No.):	3ZRA547170		
Số khung (Chassis No.):	RL4HL42E8A2001615		
Công suất (Horsepower):	104	Dung tích (Capacity):	
Năm sản xuất (Year of manufacture):	2010	Tự trọng (Empty weight):	1270
Tải trọng (Load capacity):	Hàng hóa (Goods)	kg	
Số chỗ (Seating capacity):	05	Dung tích (Capacity):	Năm (Liters)
Tổng trọng lượng theo tiêu chuẩn (Total weight):		Kích thước bao (Overall dimension):	
Dài (Length): 4540 mm	Rộng (Width): 1760 mm	Cao (Height): 1465 mm	
Đăng ký lần đầu ngày (Date of first registration):	26/10/2010		
Valid until date:			
Hà Tĩnh, ngày (date):	26 tháng 10 năm 2010		
Đã đăng ký lần đầu ngày (Date of first registration):	26/10/2010		
Đã đăng ký lần đầu ngày (Date of first registration):	26/10/2010		

Đã đăng ký lần đầu ngày (Date of first registration): 26/10/2010

Đã đăng ký lần đầu ngày (Date of first registration): 26/10/2010

Đã đăng ký lần đầu ngày (Date of first registration): 26/10/2010